TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-PT
Ngày 18 - 4 - 2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh
Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn
Ông Nguyễn Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLPT- DS, ngày 01 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2022/QĐPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2022/QĐPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P

Địa chỉ: Ấp 5, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thu B (Lê Thị Thu B)

Địa chỉ: Ấp 5, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lý Thị Tuyết G

Địa chỉ: Ấp 5, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thu B (Lê Thị Thu B)

- Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Ngày 10/5/2016 (âl) tức ngày 14/6/2016 (dl) bà Nguyễn Thị P có cho bà Thu B vay số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó bà có hỏi thêm cho bà Thu B vay thêm số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền này bà Thu B chưa trả tiền vốn và lãi.

Ngày 16/5/2016 (âl) tức ngày 20/6/2016 (dl) bà Nguyễn Thị P có cho bà Thu B vay số tiền 20.000.000 đồng, bà Thu B có đóng lãi được 02 lần bằng số tiền là 10.000.000 đồng thì không đóng lãi cho đến nay.

Ngày 12/11/2016 (âl) tức ngày 10/12/2016 (dl) bà Nguyễn Thị P cho bà Thu B vay số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền này bà Thu B chưa trả tiền gốc và lãi.

Ngày 16/11/2016 (âl) tức ngày 14/12/2016 (dl) bà Nguyễn Thị P cho bà Thu B vay số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền này bà Thu B chưa trả tiền gốc và lãi.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị P còn chơi hụi giùm bà Thu B một dây hụi 5.000.000 đồng, bà B đã hốt hụi nhưng chưa đóng lại hụi chết với số tiền là 80.000.000 đồng và dây hụi 4.000.000 đồng, bà Thu B đã hốt hụi và nhưng chưa đóng lại hụi chết với số tiền là 56.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án buộc bà Thu B trả số tiền vay là 43.000.000 đồng và lãi suất theo quy định nhà nước đến ngày xét xử; tiền hụi là 136.000.000 đồng và lãi suất theo quy định nhà nước đến ngày xét xử. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị P có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền hụi; đối với số tiền vay bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình thu thập chứng cứ bị đơn bà Lê Thu B trình bày: Bà thừa nhận có vay số tiền 20.000.000 đồng của bà P. Sau khi nhận tiền có trả tiền lãi cho bà P 02 lần bằng 10.000.000 đồng. Nay bà Thu B đồng ý trả cho bà P 20.000.000 đồng và yêu cầu được trả dần. Đối với số tiền 23.000.000 đồng thì không đồng ý. Các biên nhận do bà P cung cấp cho Tòa án, bà Thu B xem qua, cũng thống nhất là chữ viết của bà Thu B. Nhưng không đồng ý trả do không nhận được tiền và cũng không đồng ý trả tiền lãi cho bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Tuyết G trình bày: Bà G, bà P và bà Thu B là chị em bạn dâu. Bà có biết việc vay tiền giữa bà P và bà Thu B, bởi vì bà P có hỏi tiền của bà để cho bà Thu B vay lại. Cụ thể bà P vay tiền của tôi 03 lần, tổng cộng là 23.000.000 đồng. Bà P có viết biên nhận với tôi. Hiện bà chưa yêu cầu khởi kiện bà P, khi nào có tranh chấp tôi sẽ khởi kiện sau. Bà không có cho bà Thu B vay mượn tiền gì, chỉ có bà P vay tiền của bà.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Đ, bà Phan Thị Hồng N, bà Huỳnh Thị N1 và Nguyễn Văn T trình bày: Không biết việc vay tiền giữa bà P và bà Thu B. Trong vụ án giữa bà P và bà Thu B cũng không có ý kiến gì và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bận công việc nên yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự số 30/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với phần tranh chấp hụi của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn bà Lê Thu B (Lê Thị Thu B).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tiền vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn bà Lê Thu B. Buộc bị đơn bà Lê Thu B (Lê Thị Thu B) có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P số tiền 53.058.500 đồng. Trong đó, tiền vay gốc là 43.000.000 đồng, tiền lãi 10.058.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2021, bà Lê Thu B có đơn kháng cáo chỉ đồng trả cho bà P số tiền 20 triệu đồng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện V kháng nghị sửa án sơ thẩm theo hướng việc đánh giá chứng cứ biên nhận nợ bản photo của nguyên đơn không được coi là chứng cứ và lãi suất cấp sơ thẩm tính là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thu B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền 20 triệu đồng theo biên nhận ngày 16/5/2016 âl, thừa nhận các biên nhận bản photo nguyên đơn cung cấp là do bà viết và ký tên, nhưng do nguyên đơn không giao tiền cho bà, nên bà xé bỏ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng biên nhận bản gốc là do bà B tự viết và giao bản chính cho bà giữ, sau đó cháu bà lấy chơi rồi xé rách hết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 20 triệu đồng, giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án buộc bà Thu B trả số tiền vay là 43.000.000 đồng và lãi suất theo quy định nhà nước đến ngày xét xử. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thu B có đơn kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang có quyết định kháng nghị trong thời hạn luật định nên được xem là hợp lệ.

[3] Xét kháng cáo của bà Lê Thu B và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Bà P khởi kiện yêu cầu bà Lê Thu B trả tiền các khoản tiền vay tổng cộng là 43.000.000đồng, bà Thu B chỉ thừa nhận vay của bà P số tiền 20.000.000đồng theo biên nhận ngày 16/5/2016 âl và thừa nhận tất cả những biên nhận vay tiền đều do bà viết và ký tên, sau đó giao lại cho bà P giữ, bản thân bà không giữ lại biên nhận nào. Quá trình thu thập chứng cứ và đối chất bà Lê Thu B cho rằng bà có nhờ bà P vay tiền dùm của những người khác, nhưng bà P không giao tiền cho bà nên bà đã hủy các biên nhận bản gốc. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà không trình bày và giải thích được các biên nhận bản gốc ở đâu bà có để bà hủy bỏ và suốt quá trình tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm bà không trình bày vấn đề này, mà tại cấp phúc thẩm, sau khi có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V bà mới biết bà P không còn các biên nhận nợ bản gốc để cung cấp cho Tòa án, nên bà cho rằng bà đã xé bỏ các biên nhận này.

Xét lời trình bày của bà Thu B là không có cơ sở chấp nhận, vì bà Thu B không chứng minh được mình đã hủy các biên nhận và các biên nhận này chỉ có 01 bản gốc do bà P giữ, bà P không đưa lại cho bà Thu B thì bà không thể hủy bỏ được. Mặt khác, xét các biên nhận nợ do bà P cung cấp là bản photo, mặc dù, căn cứ khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa phù hợp, nhưng các biên nhận bản photo do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận và được xem là nguồn chứng cứ quy định tại Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên xét thấy có căn cứ xác định bà Thu B có vay tiền của bà P theo các biên nhận do chính bà viết và bà cũng chưa trả tiền cho bà P.

Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

[3.2] Đối với việc cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất không đúng quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Viện kiểm sát có kháng nghị. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn không có kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc đề nghị tính lãi lại và việc này là có lợi cho phía bị đơn, nên Hội đồng xét xử không sửa phần lãi này của cấp sơ thẩm.

[3.3] Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thu B và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang là không có căn cứ chấp nhận. Không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 92, Điều 94, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 471, Điều 474 khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thu B (Lê Thị Thu B)

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với phần tranh chấp hụi của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn bà Lê Thu B (Lê Thị Thu B).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn bà Lê Thu B. Buộc bị đơn bà Lê Thu B (Lê Thị Thu B) có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P số tiền 53.058.500đồng. Trong đó, tiền vay gốc là 43.000.000đồng, tiền lãi 10.058.500đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thu B phải chịu 2.652.925đồng

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P được nhận lại 4.475.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008329 ngày 13/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thu B (Lê Thị Thu B) phải chịu 300.000đồng, chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí bà Lê Thu B đã nộp theo Biên lai thu số 0002501 ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 18/4/2022.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thái Sơn – Nguyễn Hồng Thanh **Trịnh Thị Bích Hạnh**